

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-PT
Ngày 06 - 5 -2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tổ Giang;

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Sơn; ông Khưu Để Dành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2020/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 480, tổ 7, ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm: 1974; nơi cư trú: Số 42, tổ 01, ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: ông A, là nguyên đơn trong vụ án.

Các đương sự: A, B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông A trình bày: Do chỗ quen biết ngày 04/10/2017, ông có cho ông B vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn, lãi suất 3%/tháng, không có làm biên nhận, ông B hứa đến ngày 04/11/2017 trả số tiền này, ông có đến gặp ông B nhiều lần để thỏa thuận trả nợ nhưng ông B hứa và không thực hiện. Nay ông A yêu cầu ông B trả cho số tiền 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 04/11/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông B trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A, vì ông không có mượn số tiền 20.000.000 đồng như ông A trình bày. Ông thừa nhận ông có mượn số tiền 2.000.000 đồng của ông A nhưng ông đã trả rồi, đối với biên nhận mà ông A cung cấp cho Tòa là hoàn toàn không có, vì ông không có ký tên, tờ biên nhận đó là vợ chồng ông A tự ý viết, nếu như ông có mặt thì ông ký tên.

Tại Bản án số 64/2019/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 144, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với yêu cầu buộc ông B (Hồ Văn Toàn) trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 04/11/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông A kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm. Ông A yêu cầu ông B phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 04/11/2017 đến khi Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông A trình bày: ông yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, mời ông C để làm rõ số tiền ông B đưa ông C 2.000.000 đồng trả cho ông là tiền lãi của một tháng.

Ông B: ông không có mượn 20.000.000 đồng của ông A. Ông thừa nhận có mượn ông A 2.000.000 đồng, nhưng ông đã trả rồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: ngày 04/9/2019, ông A kháng cáo trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý là đúng quy định tại Điều 273, 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm bị kháng cáo:

Ngày 04/10/2017 ông A cho ông B vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất 3%/tháng, cam kết đến ngày 04/11/2017 trả lại. Đến hạn, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông A khởi kiện.

Nhận thấy, ông A cho ông B vay tiền, vợ ông A có viết biên nhận nhưng ông B không ký tên, cũng không thừa nhận có vay tiền của ông A nên Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông A kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Ông A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc ông B trả cho ông số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/11/2017 đến nay.

Căn cứ khởi kiện của ông A là Giấy biên nhận vay tiền do vợ ông viết, thể hiện người vay là Hồ Văn Toàn, nhưng người vay không ký tên. Trong Biên nhận không thể hiện chữ ký, chữ viết của người vay và của ông B.

Ông B không thừa nhận có vay tiền của ông A 20.000.000 đồng, chỉ thừa nhận mượn ông A 2.000.000 đồng và đã trả số tiền này cho ông A.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A trình bày tên Hồ Văn Toàn là do ông tự suy ra khi viết biên nhận. Sau này khi khởi kiện ông mới biết họ tên bị đơn là B. Ông A yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để đưa ông C tham gia tố tụng làm rõ việc ông B có đóng lãi thông qua ông C số tiền 2.000.000 đồng.

Nhận thấy, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ông A không có yêu cầu đưa ông C tham gia tố tụng. Hơn nữa, Giấy biên nhận vay tiền do ông A cung cấp là do vợ ông viết, không có chữ ký người vay, và cũng không liên quan ông C. Do vậy, cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông A.

[2.3] Ông A kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông A phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013524 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với yêu cầu buộc ông B trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 04/11/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông A phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0013097 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Ông A phải nộp thêm 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông A phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013524 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang